

BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN BẮC GIANG
HĐXT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ SÁT HẠCH NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
(Kèm theo Thông báo số 01/TB-HĐXT ngày 30/5/2024 của HĐXT Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang)

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính		Ngày tháng năm sinh	Dân Tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TB toàn khóa	Diện ưu tiên	Số CCHN	Điểm ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
				Nam	Nữ													
I. Bác sĩ Y học cổ truyền: Chỉ tiêu 08																		
1	1	Nguyễn Trung	Đức	Nam		12/6/1995	Kinh	Trần Phú, TP.Bắc Giang	BS YHCT	Chính quy	HV YHCT VN	Trung bình	6.18				Đạt	
2	2	Lâm Thị	Được		Nữ	10/01/1996	Nùng	Tuấn Đạo, Sơn Động, Bắc Giang	BS YHCT	Chính quy	HV YHCT VN	Khá	7.17	CCHN	009048/BG- CCHN 12/7/2023	10	Đạt	
3	3	Nguyễn Đức	Duy	Nam		25/4/1999	Tày	Phong Vân, Lục Ngạn, Bắc Giang	BS YHCT	Chính quy	ĐH Y Được Hải Phòng	Khá	6.7	Dân tộc Tày		5	Đạt	
4	4	Đặng Thị	Hằng		Nữ	24/5/1998	Dao	Hưng Đạo, Nguyễn Bình, Cao Bằng	BS YHCT	Chính quy	HV YHCT VN	Trung bình	6.95	Dân tộc Dao		5	Đạt	
5	5	Dương Ngọc	Huyền		Nữ	16/11/1999	Kinh	Thọ Xương, TP.Bắc Giang	BS YHCT	Chính quy	HV YHCT VN	Khá	7.35				Đạt	
6	6	Nguyễn Thùy	Trang		Nữ	17/8/1998	Kinh	Hoàng Văn Thụ, TP.Bắc Giang	BS YHCT	Chính quy	HV YHCT VN	Trung bình	6.35				Đạt	
II. Đại học Điều dưỡng : Chỉ tiêu 01																		
7	1	Nguyễn Thị	Phương		Nữ	06/5/1994	Kinh	Trần Nguyên Hân, TP.Bắc Giang	ĐH Điều dưỡng	Chính quy	ĐH Y Được Thái Nguyên	Khá	2.87	CCHN	007445/BG- CCHN 26/11/2019	10	Đạt	
8	2	Trần Quang	Trung	Nam		14/11/1992	Sán Dìu	TT Kép, Lạng Giang, Bắc Giang	ĐH Điều dưỡng	Chính quy	ĐH Trà Vinh	Khá	2.87	CCHN	000132/BG- CCHN 22/4/2024	10	Đạt	
III. Cao đẳng Điều dưỡng : Chỉ tiêu 06																		
9	1	Lê Thị	Hạnh		Nữ	20/12/1990	Kinh	Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang	Cao đẳng Điều dưỡng		CĐ Y Được Việt Nam	Khá	7.4	CCHN	008281/BG- CCHN 26/11/2021	10	Đạt	
10	2	Nguyễn Thị	Hồng		Nữ	27/8/1996	Kinh	Quế Nham, Tân Yên, Bắc Giang	Cao đẳng Điều dưỡng	Chính quy	CĐ Y Được Hà Nội	Giỏi		CCHN	009324/BG- CCHN 09/01/2024	10	Đạt	

11	3	Trịnh Thị	Hồng		Nữ	12/4/1990	Kinh	Dương Đức, Lạng Giang, Bắc Giang	Cao đẳng Điều dưỡng	Chính quy	CĐ Y Dược Hà Nội	Khá	7.41	CCHN	005531/BG- CCHN 08/7/2016	10	Đạt	
12	4	Ngô Thị	Ngân		Nữ	01/5/1991	Kinh	Yên Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang	Cao đẳng Điều dưỡng	Chính quy	CĐ Y tế Phú Thọ	Giỏi	8.66	CCHN	008799/BG- CCHN 14/02/2023	10	Đạt	
13	5	Hoàng Thị Kim	Thảo		Nữ	23/7/1995	Kinh	Dĩnh Trì, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Điều dưỡng	Chính quy	CĐ Y tế Phú Thọ	Khá	7.16				Đạt	
14	6	Nguyễn Minh	Thảo		Nữ	20/8/1990	Kinh	Yên Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang	Cao đẳng Điều dưỡng	Chính quy	CĐ Y Dược Hà Nội	Khá	7.5	CCHN	003954/BG- CCHN 13/9/2023	10	Đạt	
15	7	Phùng Thị Hoa	Xuân		Nữ	06/4/1993	Tây	Đồng Cốc, Lục Ngạn, Bắc Giang	Cao đẳng Điều dưỡng	Chính quy	CĐ Y Dược Hà Nội	Giỏi	8.5	CCHN	008185/BG- CCHN 07/9/2021	10	Đạt	
16	8	Ngô Thị	Xuân		Nữ	20/3/1994	Kinh	Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang	Cao đẳng Điều dưỡng	Chính quy	CĐ Y Dược Hà Nội	Khá	7.8	CCHN	007865/BG- CCHN 04/12/2020	10	Đạt	

IV. Cao đẳng PHNC: Chỉ tiêu 08

17	1	Phạm Ngọc	Tuấn	Nam		09/10/1993	Kinh	Yên Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang	CĐ VLTL và PHCN	Chính quy	CĐ Y Dược Pastuer	Khá	7.3	CCHN	005829/CCH N-BG 16/6/2022	10	Đạt	
----	---	-----------	------	-----	--	------------	------	-------------------------------------	-----------------------	--------------	-------------------------	-----	-----	------	---------------------------------	----	-----	--

V. Cao đẳng Dược: Chỉ tiêu 01

18	1	Lại Thị	An		Nữ	20/8/1988	Kinh	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Cao đẳng Dược	Chính quy	CĐ Dược Phú Thọ	Khá	7.75	CCHN	1017/TNG- CCHND 31/5/2016	10	Đạt	
19	2	Hà Thị	Hạnh		Nữ	10/4/1992	Kinh	Xương Giang, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược		CĐ Y Dược Hà Nội	Khá	7.3	CCHN	1123/CCHN- D-SYT-BG 12/01/2022	10	Đạt	
20	3	Đinh Thị	Huế		Nữ	18/2/1993	Tây	Dĩnh Ké, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược		CĐ Y Dược Hà Nội	Khá	8.0	CCHN	383/CCHN- D-SYT-BG 12/01/2023	10	Đạt	
21	4	Nguyễn Thị	Khang		Nữ	25/11/1996	Kinh	Hoàng Văn Thụ, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược	Liên thông	CĐ Dược Phú Thọ	Khá	3.00	CCHN	1755/CCHN- D-SYT-BG 25/7/2023	10	Đạt	
22	5	Hoàng Thị	Lai		Nữ	07/01/1985	Nùng	Hoàng Văn Thụ, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược	LT VHVL	CĐ Dược TW Hải Dương	Giỏi	8.01	CCHN	1421/BG- CCHND 21/10/2016	10	Đạt	
23	6	Nguyễn Thị Phương	Lan		Nữ	11/8/2000	Kinh	Mỹ Thái, Lạng Giang, Bắc Giang	Cao đẳng Dược	Chính quy	CĐ Y Dược Hà Nội	Giỏi	7.7	CCHN	2461/CCHN- D-SYT-BG 29/4/2024	10	Đạt	
24	7	Đặng Thị	Liên		Nữ	14/2/1998	Kinh	Dĩnh Trì, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược		CĐ Y Dược Hà Nội	Giỏi	8.2	CCHN	784/CCHN- D-SYT-BG 22/10/2020	10	Đạt	

25	8	Đào Thị Thùy	Linh		Nữ	10/01/1993	Kinh	Tân Mỹ, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược	Liên thông	CĐ Dược Phú Thọ	Khá	2.93	CCHN	1677/CCHN-D-SYT-BG-27/9/2023	10	Đạt	
26	9	Mai Thị Quý	Quyên		Nữ	18/10/1994	Kinh	Thọ Xương, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược	Chính quy	Đại học Đại Nam	TB Khá	6.94	CCHN	1659/CCHN-D-SYT-BG-28/9/2022	10	Đạt	
27	10	Nguyễn Thị	Thảo		Nữ	23/03/1985	Kinh	Tân Mỹ, TP.Bắc Giang	ĐH Dược	Liên thông	Đại học Đại Nam	TB Khá	6.71				Đạt	
28	11	Thân Thị	Tinh		Nữ	10/8/1990	Kinh	Xương Giang, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược	Chính quy	CĐ Dược Phú Thọ	Khá	7.47	CCHN	1248/BG-CCHND-20/01/2016	10	Đạt	
29	12	Dương Thị Thu	Trang		Nữ	01/6/1994	Kinh	Ngô Quyền, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược	chính quy	CĐ Dược TW Hải Dương	Khá	7.69				Đạt	
29	13	Phạm Thị	Tuyết		Nữ	06/3/1993	Kinh	Thọ Xương, TP.Bắc Giang	Cao đẳng Dược	Chính quy	CĐ Dược TW Hải Dương	TB Khá	6.01	CCHN	46/CCHN-D-SYT-HD-26/01/2018	10	Đạt	

VI. Trung cấp Điện: Chỉ tiêu 01

30	1	Trịnh Văn	Quyên	Nam		07/10/1992	Kinh	Xuân Hương, Lạng Giang, Bắc Giang	Điện công nghiệp	Chính quy	CĐ Kỹ thuật Công nghiệp BG	TB Khá	6.5				Đạt	
31	2	Nguyễn Thị Thu	Trang		Nữ	04/10/1990	Kinh	Lan Mẫu, Lục Nam, Bắc Giang	Kỹ sư Hệ thống Điện	Chính quy Liên thông	ĐH Điện lực	TB Khá	6.69				Đạt	